

Bản án số: 04/2021/HS-ST

Ngày 20-01-2021

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm N dân:

Bà Phước Thị Kim Huê

Ông Võ Văn Đầy

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án N dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Nở - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Thạch Ngọc D (tên gọi khác: Crạch), sinh năm 1977 tại Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp KL, xã Th S, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch C (chết) và bà Kim Thị N (chết), có vợ Kim Thị Huệ Ph, sinh năm 1988 và 03 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh ngày 08/8/2017; tiền án: 01 tiền án bị Tòa án N dân Quận 9, Th phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 26/2011/HSST ngày 16/3/2011; tiền sự: không có; N thân: xấu; bị khởi tố ngày ngày 24/9/2020 và bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Thạch Ngọc D: Ông Phạm Minh L, là Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Bị hại: Ông Thạch Th N, sinh ngày 19/9/2000. Nơi cư trú: ấp Kós La, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Thạch Th N: Bà Trần Thị H, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Thạch Th, sinh năm 1958. Nơi cư trú: ấp Kós La, xã ThS, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Người làm chứng:

Bà Kim Thị Huệ Ph, sinh ngày 22/12/1988. Nơi cư trú ấp K L, xã Th S, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Bà Đặng Thị Thanh Ng, sinh ngày 10/10/1999. Nơi cư trú ấp 10, xã LH huyện DH, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Em Thạch Thị Ph N, sinh năm 2008. Nơi cư trú ấp KLa, xã Th S, huyện Tr C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của em Thạch Thị Ph Nh: Bà Kim Thị Huệ Ph, sinh ngày 22/12/1988. Nơi cư trú ấp K L, xã Th S, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, là mẹ ruột của em Thạch Thị Ph Nh, có mặt.

Người phiên dịch: Ông Thạch D, sinh năm 1957. Nơi cư trú: khóm 5, thị trấn TrC, huyện TrC, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 21 giờ ngày 31/7/2020, bị cáo Thạch Ngọc D và vợ là Kim Thị Huệ Ph xảy ra cự cãi với nhau tại nhà thuộc ấp K L, xã ThS, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh. Lúc này, con của bị cáo và bà Ph gồm: Thạch Thị Ph Nh, sinh ngày: 18/11/2008 (Nh là con riêng của bà Ph); Thạch Ngọc Tâm, sinh ngày 04/4/2015; Thạch Thị Ph H, sinh ngày 08/8/2017 thấy bị cáo và bà Ph xảy ra cự cãi sợ bị đánh nên tất cả bỏ chạy ra khỏi nhà để tìm người giúp đỡ. Sau khi chạy ra khỏi nhà Nh, T H cùng nhau đến trước nhà của ông N thì gặp bà Đặng Thị Thanh Ng là người đang thuê nhà trọ ở đối diện với nhà của ông N. Lúc này, Nhi kể lại vụ việc bị cáo và bà Ph cự cãi nhau cho bà Ng nghe và nhờ bà Ng trình báo vụ việc đến Cơ quan Công an. Do trời đã tối và chỉ có một mình nên bà Ng không dám đi nên đến kêu cửa nhà ông N để nhờ giúp đỡ. Khi gặp được ông N thì bà Ng kể lại sự việc mà Nh đã kể cho bà Ng nghe.

Sau đó, Nhi nói với ông N không dám về nhà sợ bị cáo đánh nên nhờ ông N chở về nhà ngoại ngụ ấp BGi, xã Đ X, huyện D H, tỉnh Trà Vinh. Ông N đồng ý và sử dụng xe mô tô của mình chở Nh, T, H đi nhà ngoại của Nh. Trên đường đến khu vực xã HGi, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, Nhi không nhớ đường về nhà ngoại nên ông N chở quay lại nhà của ông N. Sau đó, Nh tiếp tục nhờ ông N chở về nhà, ông N chở Nh và bà Ng đi, còn T và H thì ở lại nhà của ông N. Khi đến nhà của bị cáo, ông N và bà Ng không vào nhà mà đứng phía trước ngoài đường đất. Nh thì đi vô đứng trước sân nhà kêu bà Ph, nghe tiếng Nh kêu bị cáo ở trong nhà mở cửa đi ra thì nhìn thấy Nh đang đứng gần ông N và bà Ng. Lúc này, bị cáo kêu ông N và bà Ng vô nhà để nói chuyện. Do thấy bị cáo có biểu hiện say rượu không còn tỉnh táo nên ông N không trả lời mà đứng phía ngoài. Bị cáo bức tức do kêu nhiều lần không ai trả lời và nghĩ là Nh kêu gia đình bên vợ qua để đánh bị cáo. Sau đó, bị cáo lấy một cái đèn pin, có dây đeo màu trắng dùng mang trên đầu, màu xanh, không có kính, đã qua sử dụng ở trên đầu tủ ti vi nhà trước, rồi

tiếp tục đi ra nhà sau lấy một cây dao có chiều dài 44cm, cán dao bằng gỗ dạng tròn dài 16cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm để trên giường, đã qua sử dụng.

Sau khi lấy được dao và đèn pin bị cáo cầm và chạy đến vị trí ông N đang đứng, cách ông N khoảng 04m ném cây dao về phía ông N một cái trúng vào mu bàn tay trái của ông N gây thương tích và cây dao rơi xuống đất tại vị trí ông N đang đứng. Biết mình đã ném trúng và gây thương tích cho ông N, sợ bị ông N đánh nên bị cáo ném bỏ cây đèn pin tại vị trí đang đứng và bỏ chạy. Sau khi bị thương tích ông N nhặt lấy cây dao và bà Ng thì nhặt lấy đèn pin để cất giữ. Sau đó, ông N kêu bà Ng chở đến Trung tâm y tế huyện Trà Cú để điều trị đến ngày 10/8/2020 thì ra viện, trên đường đi đến Trung tâm y tế huyện Trà Cú, ông N đã ném bỏ cây dao nêu trên cách nhà bị cáo khoảng 100m. Vào ngày 01/8/2020, bà Ng giao nộp đèn pin cho Cơ quan Công an. Riêng cây dao bà Ph nhặt được cũng đã giao nộp cho Cơ quan Công an. Đến ngày 02/8/2020, ông N làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, yêu cầu xử lý về hình sự đối với bị cáo Thạch Ngọc D về tội Cố ý gây thương tích.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 92/20/TgT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Thạch Th N là 09% (chín phần trăm). Cơ chế hình Th vết thương trên người của Thạch Th N là: Do ngoại lực tác động trực tiếp; vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc; hướng từ trên xuống.

Ngày 26/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) cái đèn pin, có dây đeo màu trắng dùng mang trên đầu; đèn màu xanh không có kính và có kí hiệu 1000W trên đèn, đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao dài chiều dài 44cm, trong đó cán dao bằng gỗ dạng tròn, dài 16cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm, một cạnh sắc bén bị biến dạng nhiều vị trí, một cạnh không sắc bén, mũi dao nhọn phần sóng dao, bề rộng lớn nhất của thân lưỡi dao 09cm, tình trạng dao rỉ sét, đã qua sử dụng. Cây dao và cái đèn pin được niêm phong đúng theo quy định của pháp luật.

Tại cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 11/12/2020 của Viện kiểm sát N dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Thạch Ngọc D về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người liên quan, người làm chứng trình bày sự việc đúng như cáo trạng truy tố. Bị hại ông Thạch Th N yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 62.077.419 đồng (gồm tiền thuốc điều trị 6.127.419 đồng; tiền mất thu nhập 11.250.000 đồng và tổn thất tinh thần 44.700.000 đồng), nhưng trừ ra 3.000.000 đồng cho ông Th còn 59.077.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Thạch Th là cha ruột của ông Thạch Th N trình bày ông là người trực tiếp chăm sóc ông N trong quá trình điều trị vết thương tại Trung tâm y tế huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; ông yêu cầu bị cáo D bồi thường ngày công lao động là 3.000.000 đồng. Bị cáo Thạch Ngọc D đồng ý bồi thường toàn bộ tổng số tiền 62.077.419 đồng theo yêu cầu của ông N và ông Th nhưng hiện tại bị cáo chưa có tiền bồi thường.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thạch Ngọc D từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù. Về dân sự đề nghị công nhận sự thỏa thuận về việc bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Th 3.000.000 đồng, ông N 59.077.000 đồng. Về án phí hình sự bị cáo phải chịu 200.000 đồng, án phí dân sự đề nghị miễn cho bị cáo.

Về vật chứng vụ án, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái đèn pin, có dây đeo màu trắng dùng mang trên đầu; đèn màu xanh không có kính và có kí hiệu 1000W trên đèn, đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao dài chiều dài 44cm, trong đó cán dao bằng gỗ dạng tròn, dài 16cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm, một cạnh sắc bén bị biến dạng nhiều vị trí, một cạnh không sắc bén, mũi dao nhọn phần sóng dao, bề rộng lớn nhất của thân lưỡi dao 09cm, tình trạng dao rỉ sét, đã qua sử dụng

Người bào chữa cho bị cáo Thạch Ngọc D phát biểu: Về trách nhiệm hình sự: thống nhất cáo trạng của Viện kiểm sát N dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Về các tình tiết giảm nhẹ: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã Th khẩn khai báo, tuân thủ nghiêm lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của cơ quan tiến hành tố tụng. Bị hại và người liên quan yêu cầu bồi thường tổng số tiền 62.077.419 đồng bị cáo chấp nhận mà không đề nghị xem xét lại theo chi phí hợp lý thể hiện bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình gây ra. Vụ án xảy ra, bị cáo có liên hệ gia đình bị hại để xin khắc phục hậu quả nhưng gia đình bị hại N không nhận, tình tiết này đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, về học vấn không biết chữ nên trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo còn có 02 con nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ nói trên để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không tranh luận, thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Thạch Th N phát biểu: thống nhất cáo trạng của Viện kiểm sát N dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ; thống nhất quan điểm luận tội của kiểm sát viên và phát biểu thêm như sau: bị cáo có tiền án nên có N thân xấu, bị cáo bị truy tố với hai tình tiết định khung quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Về dân sự tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho ông N 59.077.000 đồng, bồi thường cho ông Th 3.00.000 đồng nên đề nghị áp dụng các điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với ông N, ông Th.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo còn 02 con nhỏ, vợ bị cáo không làm gì ra tiền để khắc phục cho bị hại và nuôi 02 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, theo vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo Thạch Ngọc D có lời khai thừa nhận: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 31/7/2020, tại ấp KL, xã Th S, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Thạch Ngọc D đã có hành vi dùng dao (loại dao Yếm) ném trúng vào người của ông Thạch Th N gây thương tích. Bị cáo D khai nhận giữa bị cáo và bị hại N không có quen biết và mâu thuẫn với nhau, nguyên N bị cáo gây thương tích cho bị hại N là do bị cáo say rượu và bức tức do kêu nhiều lần nhưng bị hại N không trả lời và bị cáo nghĩ là Nhi đi kêu gia đình bên vợ qua để đánh bị cáo.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Thạch Ngọc D phù hợp với vật chứng là con dao thu giữ được, phù hợp với kết luận giám định pháp y, lời khai bị hại N, và những người làm chứng bà Đặng Thị Thanh Ng, bà Kim Thị Huệ Ph và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ chứng cứ xác định thương tích ở mu bàn tay trái của bị hại N tỷ lệ 09% là do bị cáo D gây ra. Mặc dù tỷ lệ thương tích của bị hại N là dưới 11%, nhưng con dao mà bị cáo dùng gây thương tích cho bị hại N là loại hung khí nguy hiểm có thể gây tổn hại đến sức khỏe, tính mạng của bị hại N; giữa bị cáo D và bị hại N không có quen biết và không mâu thuẫn với nhau nhưng bị cáo D có hành vi gây thương tích cho bị hại N là thể hiện tính côn đồ. Tại phiên tòa, bị hại N không rút yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo Thạch Ngọc D. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 11/12/2020 của Viện kiểm sát N dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Thạch Ngọc D về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a và tình tiết “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Bị cáo Thạch Ngọc D là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm ném trực tiếp vào người bị hại N là có thể sẽ gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại N. Hành vi của bị cáo D đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại N được pháp luật bảo vệ. Vụ án không có đồng phạm, động cơ, mục đích bị cáo gây thương tích cho bị hại N chỉ vì bức tức.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có N thân xấu, đã bị kết án về tội cố ý chưa xóa án tích nay lại phạm tội cố ý là thuộc trường hợp “tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo có Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính, là người dân tộc Khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp (không biết chữ) nên nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Thạch Ngọc D đồng ý bồi thường cho ông Th 3.000.000 đồng tiền ngày công lao động, bị cáo D đồng ý bồi thường cho bị hại N số tiền 59.077.000 đồng. Việc thỏa thuận giữa bị cáo với ông Th, với ông N là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào các điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với ông N, ông Th.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 cái đèn pin đã qua sử dụng; 01 cây dao cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại đã qua sử dụng là hung khí gây án cần áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự cho bị cáo.

[8] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Thạch Ngọc D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt Thạch Ngọc D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ các điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Công nhận về việc bị cáo Thạch Ngọc D bồi thường cho bị hại ông Thạch Th N số tiền 59.077.000 (Năm mươi chín triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng và bồi thường cho ông Thạch Th 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ các vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái đèn pin, có dây đeo màu trắng dùng mang trên đầu; đèn màu xanh không có kính và có kí hiệu 1000W trên đèn, đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao dài chiều dài 44cm, trong đó cán dao bằng gỗ dạng tròn, dài 16cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm, một cạnh sắc bén bị biến dạng nhiều vị trí, một cạnh không sắc bén, mũi dao nhọn phần sóng dao, bề rộng lớn nhất của thân lưỡi dao 09cm, tình trạng dao rỉ sét, đã qua sử dụng

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, miễn toàn bộ án phí dân sự cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Trà Cú;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Trà Cú;
- Cơ quan THAHSCA huyện Trà Cú;
- Nhà tạm giữ CA huyện Trà Cú;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Truyền

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phước Thị Kim Huê- Võ Văn Đây

Nguyễn Văn Truyền

